

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG BÚK  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17a/2019/DS-ST

Ngày: 11/7/2019.

V/v kiện đòi lại đất bị lấn chiếm.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Văn Hải

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Y Bhiu Mlô

2. Ông Trương Quang Chinh

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:*  
Ông Trần Văn Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc; “*Kiện đòi lại đất bị lấn chiếm*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21a/2019/QĐST-DS ngày 5 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên cao su Đ - Nay là Công ty cổ phần cao su Đ (DKRC) (Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 6000175829 đăng ký lần đầu ngày 15/11/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 01/10/2018).

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Quang N – Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn T – Chức vụ: Trợ lý giám đốc phụ trách đất đai

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt

Bị đơn: Ông Trần Nhân N, bà Trần Thị Y

Địa chỉ: Thôn Q, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Th

Địa chỉ: Thôn Q, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk -Vắng mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên toà, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Văn Tịnh trình bày:*

Nông trường cao su C được thành lập theo quyết định số 277/QĐ-UB ngày 14/6/1978 của UBND tỉnh Đắk Lắk là đơn vị trực thuộc Công ty TNHH một thành viên cao su Đ (nay là công ty cổ phần cao su Đ). Với nhiệm vụ chính là trồng, chăm sóc, khai thác, xuất khẩu cao su thiên nhiên.

Năm 2002 được UBND tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U191244 diện tích 31.579.731m<sup>2</sup> (theo quyết định số 2741/QĐ-UB ngày 15/10/2002 của UBND tỉnh Đắk Lắk) cho Chi nhánh Nông trường cao su C. Năm 2013 được UBND tỉnh Đắk Lắk cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 800145 diện tích 23.171.158 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp (theo quyết định số 1730/QĐ-UBND tỉnh Đắk Lắk ngày 20/8/2013) cho chi nhánh Nông trường cao su C thuê đất thời hạn 50 năm đến ngày 15/10/2043.

Thực hiện chủ trương của UBND tỉnh Đắk Lắk và công ty cổ phần cao su Đ, năm 2015 và 2016 Chi nhánh Nông trường cao su C tổ chức trồng tái canh cao su trên một số diện tích đất cao su thanh lý thuộc quỹ đất của Nông trường đang quản lý, sử dụng thì bị người dân địa phương lấn chiếm, cụ thể:

Tại diện tích 25.190 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp thuộc thửa đất số 36, tờ bản số số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 800145 cấp ngày 06/5/2014 đã bị ông Trần Nhân N, bà Trần Thị Y lấn chiếm diện tích theo như đo vẽ từ Chi nhánh đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk là 2.523,7 m<sup>2</sup>. Đất có tứ cận phía bắc giáp đất Nông trường có cạnh dài 62,89m, phía nam giáp đất rẫy ông D có cạnh dài 63 m, phía đông giáp rẫy ông T có cạnh dài 47,34 m, phía tây giáp rẫy ông D có cạnh dài 33,08 m. Địa chỉ thửa đất tại thôn Q, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 17/3/2017 Chi nhánh nông trường cao su C đã gửi đơn khiếu nại đề nghị UBND xã C giải quyết việc ông Trần Nhân N, bà Trần Thị Y lấn chiếm đất nhưng ông N, bà Y không hợp tác giải quyết nên vụ việc không tiến hành hòa giải được.

Từ những cơ sở trên, việc ông Trần Nhân N, bà Trần Thị Y đã tự ý chiếm dụng đất của Chi nhánh Nông trường cao su C đang quản lý, sử dụng là vi phạm quy định của luật đất đai. Do đó, Công ty cổ phần cao su Đ đề nghị Tòa án nhân dân huyện K giải quyết buộc ông Trần Nhân N, bà Trần Thị Y phải trả lại toàn bộ diện tích đất 2.523,7m<sup>2</sup> nông nghiệp thuộc thửa đất số 36, tờ bản đồ số 05 cho Chi nhánh Nông trường cao su C.

*Theo các lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên toà bị đơn ông Trần Nhân N, bà Trần Thị Y trình bày:*

Theo như nội dung mà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày thì vợ chồng tôi không đồng ý, sự việc cụ thể như sau:

Nguyên thủy phần đất mà công ty đang khởi kiện là gia đình tôi được anh chị (D, Th) hợp đồng sử dụng với Nông trường cao su, đến năm 2016 vì gia đình tôi không có đất, thời điểm trên thì giá tiêu có giá nên vợ chồng anh D, chị Th có cho gia đình tôi khoảng gần 3 sào để trồng ít trụ tiêu, trong diện tích trên thì thực tế gia đình tôi có lấn thêm 1 đến 2 hàng tiêu là phần đất mà nông trường san ủi, gom rác nên các hộ có đốt phần cây cối, rác sát bờ ranh để mở rộng thêm một ít nhưng không đáng kể. Phần đất mà gia đình tôi đang sử dụng nằm trong diện tích mà gia đình anh D, chị Th đã được cấp sổ hợp đồng kinh tế với nông trường, gia đình tôi không lấn chiếm đất như phía công ty cao su khởi kiện. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Dục, bà Trần Thị Thuần trình bày:*

Nguyên thủy gia đình tôi có 01 lô đất rẫy tọa lạc tại thôn Q, xã C lô đất trên có làm hợp đồng kinh tế với nông trường cao su C, với diện tích 5230 m<sup>2</sup>, hợp đồng kinh tế ký kết vào ngày 18/01/2007 quá trình sử dụng thì vợ chồng sử dụng ổn định, đến năm 2016 do gia đình N, Y không có đất, thời điểm trên thì giá tiêu có giá nên vợ chồng tôi có cho gia đình N, Y khoảng gần 3 sào để trồng ít trụ tiêu, trong diện tích trên thì thực tế gia đình N, Y có lấn thêm 1 đến 2 hàng tiêu là phần đất mà nông trường san ủi, gom rác nên các hộ có đốt phần cây cối rác, sát bờ ranh để mở rộng thêm một ít không đáng kể. Khi cho thì gia đình tôi chỉ cho bằng miệng và thống nhất cho chứ không làm giấy tờ cũng như xác nhận ở cơ quan nào hết.

Vợ chồng tôi cho diện tích đất trên là hoàn toàn tự nguyện, hiện nay gia đình đã cho đất nên không liên quan đến việc tranh chấp giữa các bên. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ kiện theo quy định, nhưng các đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ kiện. Tại phiên tòa hôm nay các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và của những người tham gia tố tụng.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình đối trình tự thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; đối với nguyên đơn và bị đơn đã thực

hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nhận thấy: Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Nông trường cao su C, căn cứ vào kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk, có căn cứ xác định diện tích đất 2.523,7m<sup>2</sup> là do vợ chồng ông Trần Nhân N, bà Trần Thị Y lấn chiếm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là loại việc tranh chấp về kiện đòi lại đất bị lấn chiếm thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và loại việc tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ kiện:

[2.1]. Xét yêu cầu của Công ty cổ phần cao su Đ Tòa án nhân dân huyện K giải quyết buộc ông Trần Nhân N, bà Trần Thị Y phải trả lại toàn bộ diện tích đất 2.523,7m<sup>2</sup> nông nghiệp thuộc thửa đất số 36, tờ bản đồ số 05 cho chi nhánh Nông trường cao su C. Đất có tứ cận phía bắc giáp đất Nông trường có cạnh dài 62,89m, phía nam giáp đất rẫy ông D có cạnh dài 63 m, phía đông giáp rẫy ông T có cạnh dài 47,34 m, phía tây giáp rẫy ông D có cạnh dài 33,08 m. Địa chỉ thửa đất tại thôn Q, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất, Bản đồ địa chính xã C, mảnh trích đo chỉnh lý địa chính số 04-2018 chỉnh lý thửa 30,36,37 tờ 68, Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất số 30 ngày 17/12/2018 phục vụ cho việc giải quyết tranh chấp đất đai của Tòa án nhân dân huyện K do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk đo đạc ngày 18/12/2018; Căn cứ vào các chứng cứ nguyên đơn cung cấp theo hồ sơ khởi kiện; Căn cứ vào biên bản về việc xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện K.

Xét về nguồn gốc đất cấp cho Chi nhánh nông trường cao su C sử dụng, Nông trường cao su C được thành lập theo quyết định số 277/QĐ-UB ngày 14/6/1978 của UBND tỉnh Đắk Lắk là đơn vị trực thuộc Công ty TNHH một thành viên cao su Đ (nay là công ty cổ phần cao su Đ). Năm 2002 Nông trường C, được UBND tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U191244 diện tích 31.579.731

m<sup>2</sup> theo quyết định số 2741/QĐ-UB ngày 15/10/2002 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Năm 2013 được UBND tỉnh Đắk Lắk cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 800145 diện tích 23.171.158 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp theo quyết định số 1730/QĐ-UBND tỉnh Đắk Lắk ngày 20/8/2013 cho chi nhánh Nông trường cao su C thuê đất thời hạn 50 năm đến ngày 15/10/2043. Như vậy, phần đất mà Chi nhánh Nông trường cao su C được UBND tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hợp pháp.

Xét nguồn gốc đất vợ chồng Trần Nhân N, Trần Thị Y khai nhận là do nhận tặng cho từ ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Th, việc tặng cho bằng miệng và không thể hiện bằng văn bản, không có chứng nhận từ cơ quan có thẩm quyền là vi phạm quy định về pháp luật đất đai.

Hội đồng xét xử nhận định yêu cầu của nguyên đơn Công ty cổ phần cao su Đ về việc giải quyết buộc ông Trần Nhân N, bà Trần Thị Y phải trả lại toàn bộ diện tích đất 2.523,7m<sup>2</sup> nông nghiệp thuộc thửa đất số 36, tờ bản đồ số 05 cho chi nhánh Nông trường cao su C là có căn cứ bởi lẽ, căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định ngày 28/3/2019 thì phần đất tranh chấp mà bị đơn ông Trần Nhân N đang sử dụng có diện tích 2.523,7 m<sup>2</sup>; phần đất mà vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Th đang sử dụng có tổng diện tích 8.571 m<sup>2</sup>. Đối chiếu lại với trích lục bản đồ địa chính số 1048 ngày 24 tháng 8 năm 2012 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đắk Lắk đo vẽ xác định tổng diện tích đối với thửa 22 là 10860 m<sup>2</sup>, theo đó đối với thửa 22 thì hiện tại có hai hộ đang sử dụng là hộ ông Nguyễn Văn D và hộ ông Hoàng Minh Đ, hiện tại ông Đ được cấp sổ hộ đồng kinh tế tại thửa đất 22 được sử dụng diện tích 2.200 m<sup>2</sup>. Như vậy tổng diện tích đất thực tế mà hộ ông Đ và hộ ông D đang sử dụng là  $8.571 \text{ m}^2 + 2.200 \text{ m}^2 = 10.771 \text{ m}^2$  (xấp xỉ 10.860 m<sup>2</sup>). Vì diện tích hộ ông D và ông Đ đang sử dụng là phù hợp với diện tích theo trích lục bản đồ địa chính đối với thửa 22, tuy có sai số nhưng không đáng kể nên phần diện tích đất ông Trần Nhân N, bà Trần Thị Y đang sử dụng là thuộc diện tích đất nông trường quản lý, sử dụng là phù hợp. Hơn nữa, khi ráp tờ bản đồ theo như trích lục bản đồ địa chính đối với thửa 22 so với thực địa thì phần diện tích đất 2.523,7m<sup>2</sup> đang tranh chấp nằm trong thửa đất số 36, tờ bản đồ số 05 được cấp cho chi nhánh Nông trường cao su C.

Từ những căn cứ trên xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty cổ phần cao su Đ về việc quyết buộc ông Trần Nhân N, bà Trần Thị Y phải trả lại toàn bộ diện tích đất 2.523,7m<sup>2</sup> là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.3]. Đối với các tài sản là cây trồng trên đất đang tranh chấp: Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk thì trên diện tích đất đang tranh chấp hiện ông Trần Nhân N, bà Trần Thị Y đã trồng 9 cây bơ ghép, 10 cây sầu riêng, 270 trụ tiêu, 5 cây mít thái. Xét thấy trong quá trình lần chiếm thì phía Nông trường có tiến hành lập các biên bản làm việc về việc

lấn chiếm đất của Nông trường trường cao su C vào các ngày 21/5/2016; 3/6/2016. Như đã xác định ở trên, phần đất mà nguyên đơn Công ty cổ phần cao su Đ khởi kiện buộc ông Trần Nhân N, bà Trần Thị Y phải trả lại là có căn cứ, trong quá trình lấn chiếm Chi nhánh nông trường cao su C có lập biên bản làm việc với hộ gia đình lấn chiếm, vì vậy việc ông Trần Nhân N, bà Trần Thị Y trồng cây trên đất lấn chiếm là bất hợp pháp, nên cần buộc ông Trần Nhân N, bà Trần Thị Y phải tiến hành di dời các cây trồng trên phần diện tích đất lấn chiếm để trả lại hiện trạng đất cho Chi nhánh nông trường cao su C sử dụng theo đúng mục đích đã được cấp giấy chứng nhận.

[3]. Về chi phí tố tụng: Chi phí hợp đồng đo đạc với Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk nguyên đơn tự nguyện chịu và đã thanh toán với Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk theo quy định. Chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản là 2.500.000đ nguyên đơn tự nguyện chịu, đã nộp và chi phí xong.

[4]. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mức án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đ. Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn trả lại cho nguyên đơn Công ty cổ phần cao su Đ số tiền 300.000đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk theo biên lai số AA/2016/0001389 ngày 16/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk. Bị đơn ông Trần Nhân N, bà Trần Thị Y phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 166, 267, 268, 269, 272, 273 Bộ luật dân sự

Áp dụng: Điều 12, 170 Luật đất đai năm 2013

Áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần cao su Đ

Buộc ông Trần Nhân N, bà Trần Thị Y phải trả lại cho Công ty cổ phần cao su Đ – Chi nhánh nông trường cao su C 01 diện tích đất là 2.523,7m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất tại thôn Q, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đất thuộc thửa đất số 36, tờ bản đồ số 05 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 800145 cấp ngày 06/5/2014 cho Công ty cổ phần cao su Đ – Nông cao su C. Đất có tứ cận: Phía bắc giáp đất Nông trường cao su C có cạnh dài 62,89m, phía nam giáp đất rẫy ông D có cạnh dài 63 m, phía đông giáp rẫy ông T có cạnh dài 47,34 m, phía tây giáp rẫy ông D có cạnh dài 33,08 m. Địa chỉ thửa đất tại thôn Q, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Buộc ông Trần Nhân N, bà Trần Thị Y phải tiến hành di dời các cây trồng trên phần diện tích đất lấn chiếm gồm: 9 cây bơ ghép, 10 cây sầu riêng, 270 trụ tiêu, 5 cây mít thái để trả lại hiện trạng đất cho Chi nhánh nông trường cao su C sử dụng theo đúng mục đích sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận.

Buộc ông Trần Nhân N, bà Trần Thị Y phải thực hiện việc di dời các cây trồng trên phần đất lấn chiếm ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp ông Trần Nhân N, bà Trần Thị Y không thực hiện di dời các cây trồng trên đất lấn chiếm thì sẽ bị cưỡng chế theo quy định của pháp luật về Thi hành án dân sự và Công ty cổ phần cao su Đ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

## 2. Về chi phí tố tụng:

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chịu toàn bộ chi phí hợp đồng đo đạc với Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk và đã thanh toán xong. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản là 2.500.000đ nguyên đơn tự nguyện chịu, đã nộp và chi phí xong.

3. Về án phí: Hoàn trả lại cho nguyên đơn Công ty cổ phần cao su Đ số tiền 300.000đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk theo biên lai số AA/2016/0001389 ngày 16/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk. Bị đơn vợ chồng ông Trần Nhân N, bà Trần Thị Y phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

## 4. Về quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án sơ thẩm liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a và 9 Luật*

*thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã Ký)**

**Thái Văn Hải**